

KẾT QUẢ KIỂM TOÁN KIẾN NGHỊ KHÁC NĂM 2023

Đơn vị tính: Đồng

| TT | Báo cáo kiểm toán | Kiến nghị khác |
|--------------------------------|---|---------------------------|
| Tổng hợp kiến nghị khác | | 28.595.093.521.811 |
| - | Tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2023 của KTNN chuyên ngành Ia | 807.080.177.270 |
| - | Tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2023 của KTNN chuyên ngành Ib | 186.835.555.935 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2022 tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 5.868.416.752 |
| - | Kiểm toán chuyên đề công tác lập, phân bổ vốn đầu tư Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội; việc thực hiện các chính sách đầu tư phát triển theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 | 926.646.086 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2022 Bộ Giao thông vận tải; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại Bộ Giao thông vận tải | 3.744.535.152 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2022 tại Bộ Tài chính; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2022 Bộ Tài chính | 397.893.075 |
| - | Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông | 810.900.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 (đoạn Vĩnh Hảo - Phan Thiết) | 11.384.834.603 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2022; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 của Bộ Công Thương | 3.700.902.998 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2022; chuyên đề việc đầu tư mua sắm, ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin, các hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin giai đoạn 2020-2022 của Bộ Tư pháp | 7.241.532.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ | 68.797.566.144 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2022; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022; Chuyên đề việc đầu tư mua sắm, ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin, các hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin giai đoạn 2020-2022 tại Bộ Khoa học và Công nghệ | 429.088.000.276 |
| - | Báo cáo Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại Bộ Y tế và chuyên đề công tác lập, phân bổ vốn đầu tư chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; việc thực hiện các chính sách đầu tư phát triển theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 tại Bộ Y tế | 8.337.756.600 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2022 tại Đài Truyền hình Việt Nam; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2022 Đài Truyền hình Việt Nam | 71.652.000 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2022; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 của Đại học Quốc gia Hà Nội | 67.760.333.431 |
| - | Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2022 tại Bộ Giáo dục và Đào tạo; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học và công nghệ giai đoạn 2020 - 2022 tại Bộ Giáo dục và Đào tạo; Kiểm toán chuyên đề công tác lập, phân bổ vốn đầu tư Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH; việc thực hiện các chính sách đầu tư phát triển theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 tại Bộ Giáo dục và Đào tạo | 62.737.260.804 |
| - | Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương: Phú Thọ, Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Thanh Hóa, Bình Phước, Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh, Vĩnh Long, Cần Thơ (13 địa phương) | 307.259.664.925 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang | 1.303.756.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án tuyến đường trục phát triển kinh tế Đông Tây, tỉnh Sóc Trăng | 152.436.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến -Diêm Vân | 1.232.416.000 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án quản lý nguồn nước và ngập lụt Vĩnh Phúc | 17.851.408.000 |

| | |
|---|-------------------|
| - Các Dự án và hạng mục sử dụng vốn dư của Dự án Quản lý tài sản đường bộ Việt Nam | 77.464.000 |
| - Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc | 117.524.603.552 |
| - Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối Quốc lộ 91 và Quốc lộ 61C) | 1.066.922.037 |
| - Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng tuyến đường bộ trên cao dọc đường Vành đai 2, đoạn từ cầu Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Sở, kết hợp với mở rộng theo quy hoạch phân đi bằng đoạn từ Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Vọng theo hình thức hợp đồng BT | 154.221.087.000 |
| - Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý sử dụng vốn đầu tư dự án thành phần 3 - Các công trình thiết yếu trong cảng hàng không thuộc Dự án Cảng Hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn I | 68.358.925.626 |
| - Chuyên đề dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - tiểu dự án thành phố Phan rang tháp chàm, tỉnh Ninh Thuận. | 11.878.425.509 |
| - Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án nhà máy sản xuất Amon Nitrat công suất 200.000 tấn/năm và các sản phẩm hóa chất khác | 2.089.296.766 |
| - Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án khai thác hầm lò dưới mức -150 - Mỏ Mạo Khê | 38.725.849.698 |
| - Kiểm toán Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 tại Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các địa phương: Lào Cai, Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Yên Bái, Cao Bằng, Nghệ An, Quảng Trị, Quảng Nam, Khánh Hòa, Bến Tre (12 địa phương) | 12.000.000.000 |
| - Kiểm toán Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 tại Ủy ban dân tộc và các địa phương: Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Sơn La, Điện Biên, Nghệ An, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Nông (12 địa phương) | 19.991.234.000 |
| - Dự án khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai | 139.735.709.198 |
| - Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý sử dụng vốn đầu tư Dự án Mỏ Khe Chàm II-IV | 181.744.316.590 |
| - Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư khai thác hầm lò phần lò giồng mỏ than Nam Mẫu | 18.195.966.652 |
| - Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Khai thác hầm lò mỏ Khe Chàm III | 22.626.303.758 |
| - Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án tòa nhà Trung tâm Điều hành sản xuất tại Quảng Ninh (Tòa nhà Vinacomin) | 7.940.371.452 |
| - Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý sử dụng vốn đầu tư Dự án ĐTXD công trình điều chỉnh Kho chứa LNG 1MMTPA tại Thị Vải - phương án sử dụng cảng PETEC Cái Mép | 36.304.681.605 |
| - Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý sử dụng vốn đầu tư Dự án Đầu tư xây dựng Nhà quốc hội Lào | 636.271.836.641 |
| - Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam | 131.747.016.143 |
| - Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022 của Tập đoàn Dệt may Việt Nam | 5.004.060.861 |
| - Kiểm toán chuyên đề công tác quản lý đầu tư xây dựng của Công ty mẹ - Tập đoàn Điện lực Việt Nam đối với các dự án nhóm B, C giai đoạn 2019-2022 do Tổng công ty Điện lực miền Bắc, Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội, Tổng công ty Điện lực miền Trung quản lý, thực hiện | 23.857.769.421 |
| - Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022 của Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP | 883.758.276 |
| - Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 1.283.898.215.484 |
| - Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022 của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam - CTCP | 9.804.858.848 |
| - Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022 của Ngân hàng Chính sách xã hội | 8.059.401.352 |
| - Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Kiểm toán hoạt động chủ đề Chương trình hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP; Kiểm toán chuyên đề việc đầu tư mua sắm, ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin, các hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin giai đoạn 2020-2022 tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 1.490.924.379 |
| - Kiểm toán chuyên đề việc giao dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp tại BHXH Việt Nam theo Nghị quyết số 09/2021/UBTVQH15 | 198.436.369.083 |
| - Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022; Kiểm toán hoạt động Chương trình hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | 8.426.205.522 |
| - Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 và Chuyên đề lồng ghép của thành phố Hà Nội | 360.671.272.378 |
| - Kiểm toán Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 tỉnh Hòa Bình; Kiểm toán hoạt động chủ đề việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế giai đoạn 2020-2022 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình | 84.510.000.000 |

| | |
|---|-------------------|
| - Kiểm toán Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 tỉnh Bắc Ninh; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do tỉnh Bắc Ninh quản lý giai đoạn 2020-2022; Kiểm toán hoạt động chủ đề việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế giai đoạn 2020-2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh | 461.045.047.331 |
| - Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cầu Vĩnh Tuy - giai đoạn 2 | 76.823.188.378 |
| - Kiểm toán Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 thành phố Hà Nội | 81.605.227.403 |
| - Kiểm toán Báo cáo quyết toán Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý nước thải tập trung Cầu Ngà tại xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng Cung thiếu nhi Hà Nội | 63.120.671.605 |
| - Kiểm toán NSDP năm 2022 tỉnh Vĩnh Phúc; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tại tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020-2022; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Vĩnh Phúc; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do tỉnh Vĩnh Phúc quản lý giai đoạn 2020-2022; Kiểm toán hoạt động chủ đề việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế giai đoạn 2020-2022 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc | 363.270.400.134 |
| - Kiểm toán hoạt động chủ đề việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế giai đoạn 2020-2022 trên địa bàn tỉnh Hà Nam | 5.691.491.000 |
| - Kiểm toán Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 tỉnh Thừa Thiên Huế; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Thừa Thiên Huế | 28.508.251.543 |
| - Kiểm toán Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 tỉnh Quảng Trị; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Quảng Trị | 129.798.895.833 |
| - Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Nghệ An; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Nghệ An; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Nghệ An | 77.017.226.768 |
| - Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020 (Đoạn Cam Lộ - La Sơn) | 26.027.612.000 |
| - Kiểm toán Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 tỉnh Quảng Bình; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do tỉnh Quảng Bình quản lý giai đoạn 2020-2022; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Quảng Bình | 1.873.220.012 |
| - Kiểm toán ngân sách địa phương và Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 tỉnh Hà Tĩnh; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Hà Tĩnh | 39.547.048.279 |
| - Kiểm toán NSDP và Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 thành phố Đà Nẵng; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại thành phố Đà Nẵng; Kiểm toán chuyên đề công tác quản lý, sử dụng đất nhà nước cho thuê giai đoạn 2020-2022 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng | 2.114.989.778.673 |
| - Báo cáo kiểm toán Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Quảng Nam | 1.612.909.050 |
| - Báo cáo kiểm toán Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Bình Định | 28.948.414.223 |
| - Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Quảng Ngãi; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Quảng Ngãi; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Quảng Ngãi; Chuyên đề công tác quản lý, sử dụng đất đai nhà nước cho thuê giai đoạn 2020-2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi | 78.655.353.489 |
| - Báo cáo kiểm toán Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 tỉnh Quảng Nam | 240.768.613.199 |
| - Báo cáo kiểm toán Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 tỉnh Bình Định | 73.192.000.000 |
| - Kiểm toán hoạt động quản lý, công tác xử lý nước thải, rác thải; Chuyên đề việc chấp hành các quy định pháp luật về đầu tư, việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN đối với các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp (KCN) và doanh nghiệp hoạt động trong KCN giai đoạn 2018-2022 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh | 346.294.650.288 |
| - Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Bệnh viện Đa khoa 1.500 giường | 92.612.919.096 |
| - Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP | 39.084.918.097 |
| - Kiểm toán hoạt động quản lý, công tác xử lý nước thải, rác thải; Chuyên đề việc chấp hành các quy định pháp luật về đầu tư, việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN đối với các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp (KCN) và doanh nghiệp hoạt động trong KCN giai đoạn 2018-2022 trên địa bàn tỉnh Long An | 418.466.155.236 |
| - Kiểm toán NSDP năm 2022 của Thành phố Hồ Chí Minh; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020 - 2022 tại Thành phố Hồ Chí Minh | 227.403.875.012 |

| | |
|---|-------------------|
| - Kiểm toán NSDP năm 2022 của tỉnh Bình Dương; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020 - 2022 tại tỉnh Bình Dương; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020 - 2022 tại tỉnh Bình Dương; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Bình Dương | 28.422.542.760 |
| - Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022 của Tổng công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV | 49.502.308.880 |
| - Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Long An | 10.781.772.032 |
| - Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Tây Ninh | 2.002.753.405 |
| - Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Hậu Giang | 119.664.964.285 |
| - Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2022-2022 tại thành phố Cần Thơ | 58.745.706.039 |
| - Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2022-2022 tại tỉnh Hậu Giang | 2.853.301.761 |
| - Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Sóc Trăng | 4.582.652.328 |
| - Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Kiên Giang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Kiên Giang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Kiên Giang | 330.604.083.065 |
| - Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại thành phố Hải Phòng | 3.136.422.000 |
| - Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Hưng Yên; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Hưng Yên; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Hưng Yên | 485.687.499.075 |
| - Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Bắc Giang | 2.224.292.979.301 |
| - Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường cao tốc Vân Đồn - Tiên Yên | 8.795.332.000 |
| - Kiểm toán ngân sách địa phương và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 thành phố Hải Phòng | 14.119.529.451 |
| - Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Bắc Giang | 23.248.927.490 |
| - Kiểm toán Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 và Chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Yên Bái | 7.608.826.820 |
| - Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Điện Biên; Kiểm toán hoạt động chủ đề Đề án ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La (Đề án 666) tại tỉnh Điện Biên | 875.774.552 |
| - Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Sơn La; Kiểm toán hoạt động chủ đề Đề án ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La (Đề án 666) tại tỉnh Sơn La | 969.879.806 |
| - Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Phú Thọ; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Phú Thọ; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Phú Thọ | 12.271.664.186 |
| - Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Sơn La | 281.563.250.590 |
| - Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 và Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Lào Cai | 13.492.843.472 |
| - Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Ninh Thuận | 3.552.986.040 |
| - Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Lâm Đồng; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Lâm Đồng | 488.234.656.735 |
| - Kiểm toán chuyên đề đánh giá tính hiệu quả các chính sách ưu đãi đầu tư và việc đầu tư xây dựng dự án đối với Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2020-2022 | 970.322.798 |
| - Kiểm toán ngân sách địa phương và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Khánh Hòa Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Khánh Hòa Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Khánh Hòa | 23.063.046.000 |
| - Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên | 24.360.381.000 |
| - Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Phú Yên | 13.945.000.000 |
| - Chương trình, dự án phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận | 2.472.301.000 |

| | | |
|---|--|-------------------|
| - | Chương trình đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 11/8/2021 của HĐND tỉnh Phú Yên | 767.235.050 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh An Giang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tỉnh An Giang | 4.413.292.310.936 |
| - | BCKT Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 tỉnh Tiền Giang | 8.405.116.189 |
| - | Kiểm toán NSDP năm 2022 tỉnh Tiền Giang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tỉnh Tiền Giang | 66.865.604.586 |
| - | BCKT BCQT ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Bến Tre; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế, giao thông, thủy lợi giai đoạn 2020-2022 của tỉnh Bến Tre | 71.042.642.824 |
| - | BCKT BCQT ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Vĩnh Long; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế, giao thông, thủy lợi giai đoạn 2020-2022 của tỉnh Vĩnh Long | 98.378.262.049 |
| - | BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý sử dụng vốn đầu tư Dự án phát triển cơ sở hạ tầng tại tỉnh Đồng Tháp | 1.074.818.000 |
| - | BCKT BCQT ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Trà Vinh; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế, giao thông, thủy lợi giai đoạn 2020-2022 của tỉnh Trà Vinh | 289.557.247.020 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn-Tiểu Dự án Hà Giang | 19.212.588.146 |
| - | Kiểm toán chuyên đề Dự án Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn-Tiểu dự án Lạng Sơn | 4.061.486.426 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Thái Nguyên; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Thái Nguyên; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Thái Nguyên | 32.241.384.767 |
| - | Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Bắc Kạn; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Bắc Kạn | 10.482.087.861 |
| - | Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Hà Giang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Hà Giang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Hà Giang | 1.525.906.962 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Lạng Sơn; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Lạng Sơn | 15.918.164.174 |
| - | Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Cao Bằng; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Cao Bằng | 89.347.967.461 |
| - | Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Tuyên Quang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Tuyên Quang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Tuyên Quang | 2.123.825.873 |
| - | Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc QLSD vốn đầu tư các dự án đầu tư nhóm B tại tỉnh Hà Giang: Dự án cải tạo nâng cấp đoạn Km13-Km17 và đoạn Km36+183, Km46+00, ĐT.176 (Yên Minh- Mậu Duệ- Mèo Vạc) tỉnh Hà Giang; Dự án cải tạo nâng cấp đường Bắc Quang -Xín Mần (ĐT177), đoạn Km0-Km55, tỉnh Hà Giang (giai đoạn I) | 20.241.176.498 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Thanh Hóa; Kiểm toán Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Thanh Hóa | 3.472.362.881.653 |
| - | Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Đắk Nông; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Đắk Nông; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý và sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Đắk Nông; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2020 -2022 tại tỉnh Đắk Nông | 54.936.225.000 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Đắk Lắk và Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Đắk Lắk | 13.366.324.000 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Gia Lai; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Gia Lai; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Gia Lai | 25.871.477.000 |
| - | Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Kon Tum; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Kon Tum; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý và sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Kon Tum; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2020 -2022 tại tỉnh Kon Tum | 281.400.000 |
| - | Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Bình Thuận; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Bình Thuận; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2021 -2022 tại tỉnh Bình Thuận | 422.536.142.801 |
| - | Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Đồng Nai; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Đồng Nai; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Đồng Nai; Chuyên đề công tác bảo vệ môi trường về thu gom xử lý rác thải, xử lý tiêu thoát nước thải giai đoạn 2020-2022 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai | 228.276.860.992 |

| | |
|---|-------------------|
| - Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Kiểm toán chuyên đề việc đầu tư mua sắm, ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin, các hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin giai đoạn 2020-2022 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | 445.280.168.368 |
| - Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Đồng Nai | 3.951.793.085.689 |
| - Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước năm 2022 của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai | 1.545.068.084 |